

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện việc khảo sát tổ chức, doanh nghiệp về tình hình sử dụng lao động người học tốt nghiệp của Nhà trường

Thực hiện Kế hoạch số 138 /KH-ĐHSPKTND ngày 01 tháng 12 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định về triển khai khảo sát Doanh nghiệp năm 2022, Phòng Thanh tra và Đảm bảo chất lượng phối hợp với các khoa chuyên môn đã tiến hành khảo sát 92 doanh nghiệp ở Nam Định, Hà Nam, Vũng Tàu, Ninh Bình, Thanh Hóa, Thái Bình, Đồng Nai và Hà Nội. Kết quả cụ thể như sau:

1. Tổng quan

1.1. Đối tượng khảo sát

Đối tượng khảo sát là các doanh nghiệp có cựu sinh viên của Nhà trường đang công tác, danh sách cụ thể tại Phụ lục 1:

1.2. Thuận lợi

- Hoạt động khảo sát doanh nghiệp được sự hỗ trợ cả về vật chất lẫn tinh thần của “Chương trình đổi mới đào tạo nghề Việt Nam” thuộc Viện Nghiên cứu Khoa học Dạy nghề.
- Hoạt động khảo sát được thực hiện theo đúng Kế hoạch do Ban Giám hiệu phê duyệt;
- Các doanh nghiệp có thái độ cởi mở và tạo điều kiện cho cán bộ khảo sát hoàn thành nhiệm vụ.

1.3. Khó khăn

Vào dịp cuối năm các doanh nghiệp đều đang rất bận nên việc hẹn gặp với lãnh đạo của các doanh nghiệp là hết sức khó khăn.

2. Nội dung công việc

- 1) Xây dựng Kế hoạch khảo sát doanh nghiệp năm 2022;
- 2) Lập, rà soát các doanh nghiệp có cựu sinh viên của Trường ĐHSPKTND đang làm việc;
- 3) Chuẩn bị phiếu khảo sát, các mẫu biểu, nhân bản phiếu.

4) Khảo sát 92 doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh Nam Định có cựu sinh viên của Nhà trường đang công tác. Ý kiến phản hồi của chủ sử dụng lao động sinh viên tốt nghiệp của trường tập trung vào các nội dung sau:

- Tình hình việc làm của cựu sinh viên Nhà trường tại các doanh nghiệp;
- Mức độ hài lòng với kiến thức, kỹ năng, đạo đức nghề nghiệp của doanh nghiệp với cựu sinh viên của Nhà trường
- Nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp trong 12 tháng tới.
- Kiến nghị với Nhà trường.
- Các vấn đề khác (nếu cần thiết).

3. Kết quả khảo sát

3.1. Tình hình việc làm của cựu sinh viên Nhà trường

Bảng 1: Lĩnh vực sản xuất/kinh doanh chính của cơ quan, doanh nghiệp

TT	Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Công nghệ thông tin	4	3.64%
2	Khoa học máy tính	5	4.55%
3	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2	1.82%
4	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	11	10.00%
5	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	3	2.73%
6	Công nghệ chế tạo máy	16	14.55%
7	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	3	2.73%
8	Công nghệ kỹ thuật ô tô	11	10.00%
9	Kế toán	2	1.82%
10	Quản trị kinh doanh	10	9.09%
11	Ngành nghề khác	43	39.09%
Tổng		110	100.00%

Bảng 2: Số lượng cựu sinh viên của Nhà trường được các doanh nghiệp tuyển dụng

TT	Số lượng sinh viên	Số phiếu	Tỷ lệ
1	Dưới 5 SV	68	73.91%
2	Từ 5 đến 10 SV	14	15.22%
3	Trên 10 SV	10	10.87%

TT	Số lượng sinh viên	Số phiếu	Tỷ lệ
	Tổng	92	100.00%

-Số lượng sinh viên được Cơ quan, doanh nghiệp tương tuyển dụng sinh viên thuộc lĩnh vực được tổng kết ở bảng 3

Bảng 3

STT	Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ
1	Công nghệ thông tin	35	13.94%
2	Khoa học máy tính	13	5.00%
3	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	28	11.04%
4	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	15	5.90%
5	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	27	10.74%
6	Công nghệ chế tạo máy	14	5.51%
7	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	9	3.53%
8	Công nghệ kỹ thuật đo	5	1.93%
9	Kế toán	72	28.63%
10	Quản trị kinh doanh	33	13.15%
	Tổng	251	100.00%

3.2. Các kiến thức, kỹ năng sinh viên cần bổ trợ

Sau khi được tuyển dụng, sinh viên tốt nghiệp của cần đào tạo thêm kiến thức, kỹ năng để có thể đáp ứng yêu cầu công việc

Bảng 4

TT	Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ
1	Không phải bổ trợ thêm	12	5.33%
2	Bổ trợ kiến thức chuyên môn	51	22.67%
3	Bổ trợ kỹ năng nghiệp vụ	58	25.78%
4	Bổ trợ kỹ năng về công nghệ thông tin	27	12.00%
5	Nâng cao/Bổ trợ kỹ năng ngoại ngữ	30	13.33%
6	Bổ trợ kỹ năng mềm	47	20.89%
	Tổng	225	100.00%

Theo đánh giá của các doanh nghiệp, sinh viên của trường cần bổ trợ nhiều nhất là kỹ năng nghiệp vụ (25.78%), bổ trợ kiến thức chuyên môn (22.67%), bổ trợ kỹ năng mềm (20.89%). Chỉ có 5.33% số phiếu đánh giá sinh viên đã đạt yêu cầu sử dụng, không cần bổ đào tạo thêm kiến thức, kỹ năng gì.

3.2. Nhu cầu tuyển dụng của các doanh nghiệp trong 12 tháng tới được thể hiện ở các bảng sau:

Bảng 5.1: Nhu cầu tuyển dụng đối với sinh viên thực tập tốt nghiệp

TT	Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ
1	Công nghệ thông tin	21	6.77%
2	Khoa học máy tính	37	11.94%
3	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	30	9.68%
4	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	29	9.35%
5	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	21	6.77%
6	Công nghệ chế tạo máy	16	5.16%
7	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	15	4.84%
8	Công nghệ kỹ thuật ô tô	10	3.23%
9	Kế toán	56	18.06%
10	Quản trị kinh doanh	75	24.19%
	Tổng	310	100.00%

Bảng 5.2: Đối với sinh viên tham quan, kiến tập

TT	Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ
1	Công nghệ thông tin	35	11.95%
2	Khoa học máy tính	40	13.65%
3	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	26	8.87%
4	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	33	11.26%
5	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	24	8.19%
6	Công nghệ chế tạo máy	20	6.83%
7	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	19	6.48%
8	Công nghệ kỹ thuật ô tô	22	7.51%
9	Kế toán	41	13.99%
10	Quản trị kinh doanh	33	11.26%

TT	Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ
	Tổng	293	100.00%

Bảng 5.3: Đối với sinh viên tuyển chính thức

TT	Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ
1	Công nghệ thông tin	14	7.78%
2	Khoa học máy tính	16	8.89%
3	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	16	8.89%
4	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	15	8.33%
5	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	11	6.11%
6	Công nghệ chế tạo máy	14	7.78%
7	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	20	11.11%
8	Công nghệ kỹ thuật ô tô	21	11.67%
9	Kế toán	29	16.11%
10	Quản trị kinh doanh	24	13.33%
	Tổng	180	100.00%

Nhu cầu tuyển dụng ở các doanh nghiệp trong 12 tháng tới là không nhiều, với 310 SV thực tập tốt nghiệp; 293 SV tham quan, kiến tập; 180 sinh viên chính thức /92 đơn vị khảo sát. Tuy nhiên, nhu cầu tuyển dụng ở các nghề là khác nhau. Những nghề mà các doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng SV tốt nghiệp nhiều nhất là kế toán (16.11%), quản trị kinh doanh (13.33%), công nghệ kỹ thuật cơ điện tử (11.11%). Còn lại các ngành nghề khác các doanh nghiệp tuyển dụng đều dao động từ 6% đến 9%.

3.2. Mức độ hài lòng của các doanh nghiệp đối với năng lực của cựu sinh viên

Các doanh nghiệp đánh giá mức độ đáp ứng của cựu sinh viên đối với công việc được thể hiện ở Bảng 6

Bảng 6

TT	Nội dung	Mức độ									
		1		2		3		4		5	
		SL	TL %	SL	TL %	SL	TL %	SL	TL %	SL	TL %
1	SV có kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ được đào tạo đáp ứng được yêu cầu của vị trí công việc	2	1.64	1	0.82	28	22.95	45	36.89	46	37.7
2	SV có khả năng vận dụng các kiến thức được đào tạo vào công việc hiện tại	2	1.64	3	2.46	27	22.13	48	39.34	42	34.43
3	SV có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên - xã hội, khoa học chính trị và pháp luật	3	2.46	4	3.28	39	31.97	44	36.07	32	26.23
4	SV có khả năng giải quyết, xử lý các vấn đề phức tạp trong công việc	2	1.64	4	3.28	41	33.61	42	34.43	33	27.05
5	SV có kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm	6	4.92	4	3.28	45	36.89	36	29.51	31	25.41
6	SV có kỹ năng đánh giá, giám sát	4	3.28	3	2.46	35	28.69	46	37.70	34	27.87



TT	Nội dung	Mức độ									
		1		2		3		4		5	
		SL	TL %	SL	TL %	SL	TL %	SL	TL %	SL	TL %
	chất lượng công việc										
7	SV có khả năng quản lý, điều hành công việc	3	2.46	5	4.10	38	31.15	45	36.89	31	25.41
8	SV có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, sáng tạo	3	2.46	3	2.46	34	27.87	46	37.70	36	29.51
9	SV có khả năng làm việc độc lập	3	2.46	4	3.28	28	22.95	51	41.80	36	29.51
10	SV có kỹ năng tiếng Anh cần thiết cho công việc	8	6.56	15	12.30	49	40.16	27	22.13	23	18.85
11	SV có kỹ năng sử dụng Tin học cho công việc	5	4.10	6	4.92	27	22.13	47	38.52	37	30.33
12	SV có thái độ làm việc tích cực, hiệu quả	2	1.64	2	1.64	19	15.57	44	36.07	55	45.08
13	SV có ý thức chấp hành tốt các nội quy, quy định của cơ quan	2	1.64	1	0.82	12	9.84	39	31.97	68	55.74
14	SV có kỹ năng làm việc nhóm	2	1.64	5	4.10	20	16.39	42	34.43	53	43.44
15	SV có kỹ năng giao tiếp tốt	2	1.64	5	4.10	24	19.67	41	33.61	50	40.98

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT
AM ĐỊNH

TT	Nội dung	Mức độ									
		1		2		3		4		5	
		SL	TL %	SL	TL %	SL	TL %	SL	TL %	SL	TL %
16	SV có kỹ năng thực hành nghề nghiệp tốt	2	1.64	3	2.46	26	21.31	46	37.70	45	36.89
17	Đánh giá chung của Ông/ Bà về chất lượng đào tạo	2	1.64	1	0.82	22	18.03	56	45.90	41	33.61

4. Kết luận

- Số liệu khảo sát doanh nghiệp thu được đảm bảo được tính khách quan, chính xác và có độ tin cậy cao.

- Kết quả khảo sát đã phản ánh được tình hình việc làm của cựu sinh viên ở các doanh nghiệp, đánh giá về năng lực làm việc của cựu sinh viên Nhà trường. Từ đó, giúp Nhà trường có thêm thông tin để định hướng hoạt động đào tạo cho phù hợp hơn với nhu cầu của xã hội;

- Các đơn vị cần tham khảo kết quả khảo sát doanh nghiệp và có những đề xuất cho kế hoạch đào tạo những năm tiếp theo, cần tập trung nỗ lực khắc phục những tiêu chí mà doanh nghiệp đánh giá chưa cao về cựu sinh viên của Trường.

- Phòng TT&ĐBCL cần phối hợp chặt chẽ với "Chương trình đổi mới đào tạo nghề Việt Nam" thuộc Viện Nghiên cứu Khoa học Dạy nghề và các đơn vị liên quan để làm tốt hơn nữa hoạt động khảo sát doanh nghiệp, cung cấp kịp thời những thông tin phản hồi khách quan, tin cậy của doanh nghiệp đối với sản phẩm đào tạo của Nhà trường. Từ đó đề xuất xây dựng các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo để sinh viên ra trường đáp ứng chuẩn đầu ra đã công bố.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu;
- Ban Chỉ đạo;
- Website Trường;
- Lưu VT, TT&ĐBCL.



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Trần Xuân Cảnh